

Bản án số: 963/2018/DSPT
Ngày: 26/10/2018
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Hải

Các Thẩm phán: Ông Lưu Ngọc Thạch
Bà Trần Kim Quy

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 422/DSPT ngày 06 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 340/2018/DS-ST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận 9 bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4378/2018/QĐ-PT 26/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 8631/2018/QĐ-PT ngày 19/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lại Phụng T, sinh năm: 1989

Cư trú: số 206/67 đường X, phường Y, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Phùng Minh T, sinh năm: 1965 (có mặt)

Địa chỉ: 1A đường P, phường Q, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hợp đồng ủy quyền ngày ngày 10/02/2017

Bị đơn: Bà Hồ Thị Kim T, sinh năm: 1982

Cư trú: số 698/30/2 đường B, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông Phạm Văn N, sinh năm: 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã M, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Giấy ủy quyền ngày 21/7/2017

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Hà Thị T, sinh năm: 1953

2/ Bà Hoàng Thị D, sinh năm: 1936

Cùng cư trú: số 206/67 đường X, phường Y, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Phùng Minh T, sinh năm: 1965(có mặt)

Theo Giấy ủy quyền ngày 02/3/2017 và Giấy ủy quyền ngày 08/3/2018.

Người kháng cáo: Bà Hồ Thị Kim T là bị đơn.

Viện Kiểm sát kháng nghị: Viện Trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp ngày 19 tháng 01 năm 2017 và tài liệu có trong hồ sơ, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lại Phụng T là ông Phùng Minh T trình bày: ông Lại Đức T (sinh năm 1956, chết năm 2016) và bà Hà Thị T (sinh năm 1953) là cha, mẹ ruột của bà Lại Phụng T có tạo lập được tài sản là nhà, đất tại số 109 B đường H, phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (thửa đất số 626, tờ bản đồ số 6 phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh), đã được Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BO 326648 ngày 25/6/2013. Năm 2016 ông Lại Đức T bị tai nạn giao thông chết, sau mai táng, những người thừa kế của ông Lại Đức T làm thủ tục phân chia di sản thừa kế và giao cho bà Lại Phụng T và bà Hà Thị T được quyền thừa kế phần di sản của ông Lại Đức T là nhà, đất nêu trên (Văn phòng đăng ký đất đai Quận C cập nhật thay đổi thông tin sở hữu ngày 11/01/2017). Sau khi hoàn tất các thủ tục, bà Lại Phụng T và bà Hà Thị T đến tiếp quản tài sản vừa được thừa kế thì bà Hồ Thị Kim T ngăn cản, khoá cửa để chiếm giữ toàn bộ nhà, đất nêu trên không cho bà Lại Phụng T, bà Hà Thị T vào nhà. Đồng thời, bà Hồ Thị Kim T yêu cầu hai bà phải trả cho bà Hồ Thị Kim T số tiền là 330.000.000 đồng mà trước kia bà Hồ Thị Kim T đã góp vốn vào Công ty trách nhiệm hữu hạn L (do ông Lại Đức T làm giám đốc). Bà Lại Phụng T và bà Hà Thị T yêu cầu bà Hồ Thị Kim T cung cấp các tài liệu liên quan đến số tiền nêu trên nhưng bà Kim T không cung cấp được mà vẫn cố tình chiếm giữ tài sản mà hai bà được thừa kế hợp pháp. Không thể tự giải quyết được nên bà Lại Phụng T nộp đơn khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà Hồ Thị Kim T trả lại cho bà tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà là nhà đất số 109B đường H, phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (thửa đất số 626, tờ bản đồ số 6 phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Trong đơn yêu cầu phản tố và tài liệu có trong hồ sơ, bị đơn bà Hồ Thị Kim T trình bày: Từ năm 2000 bà và ông Lại Đức T quen biết nhau, sau đó bà

đến phụ giúp và làm thuê cho ông Lại Đức T trong việc nuôi trồng, buôn bán, kinh doanh tại địa chỉ số 109B đường H, phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2002 thì hai bên phát sinh tình cảm và sống chung với nhau tại nhà số 109B đường H, phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian quen biết, ông Lại Đức T nói với bà rằng ông có vợ con nhưng không chính thức và đã sống ly thân nhiều năm. Năm 2010, sau khi bàn bạc, bà quyết định bán căn nhà riêng của bà tại số 33/1 đường N, phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh để góp vốn vào Công ty trách nhiệm hữu hạn L do ông Lại Đức T làm giám đốc để mở rộng sản xuất kinh doanh. Việc góp vốn vào Công ty TNHH L, ông Lại Đức T có làm văn bản ưng thuận ghi ngày 24/11/2010 nhưng ông Lại Đức T giữ bản chính và giao cho bà bản photo, sau khi ông Lại Đức T chết thì bản chính văn bản này cũng thất lạc. Lúc còn sống ông Lại Đức T cũng có nhiều dự định về việc chia cho bà một phần đất tại nơi hai người đang sống để bà đứng tên nhưng chưa thực hiện thì đến năm 2016 ông Lại Đức T bị tai nạn giao thông chết đột ngột. Sau khi ông Lại Đức T chết, bà Lại Phụng T và bà Hà Thị T tiến hành việc tiếp quản tài sản của ông Lại Đức T. Về mặt pháp lý bà thừa nhận nhà, đất tại số 109B đường H, phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (thửa đất số 626, tờ bản đồ số 6 phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh) là tài sản hợp pháp của ông Lại Đức T tạo lập lúc còn sống nhưng bà không đồng ý trả lại tài sản này cho bà Lại Phụng T và bà Hà Thị T vì muốn những người thừa kế của ông Lại Đức T mà cụ thể là bà Hà Thị T và bà Lại Phụng T và cha, mẹ ruột của ông Lại Đức T phải thay ông Lại Đức T trả lại cho bà số tiền 330.000.000 đồng mà bà đã giao cho ông Lại Đức T lúc ông còn sống. Đồng thời, phải trả cho bà số tiền mà bà đã đầu tư, tôn tạo, làm tăng thêm giá trị quyền sử dụng đất là 560.000.000 đồng. Tổng số tiền bà yêu cầu bà Hà Thị T, bà Lại Phụng T và cha, mẹ ruột của ông Lại Đức T phải cùng trả lại cho bà là 890.000.000 đồng. Khi nào bà nhận đủ số tiền nêu trên thì bà sẽ trả lại tài sản là nhà, đất tại số 109B đường H, phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (thửa đất số 626, tờ bản đồ số 6 phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh) cho bà Lại Phụng T và bà Hà Thị T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị T có ông Phùng Minh T đại diện theo uỷ quyền trình bày: bà Hà Thị T là vợ hợp pháp của ông Lại Đức T, hai người có đăng ký kết hôn theo quy định và chưa làm thủ tục ly hôn. Hai người có 01 người con chung là Lại Phụng T. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có tại lập một số tài sản trong đó có nhà, đất tại số 109B đường H, phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (thửa đất số 626, tờ bản đồ số 6 phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh). Đây cũng là nơi vợ chồng bà Hà Thị T hoạt động sản xuất, kinh doanh. Năm 2016, ông Lại Đức T bị tai nạn giao thông chết đột ngột không để lại di chúc. Sau khi lo hậu sự và làm các thủ tục cần thiết, bà Hà Thị T và con gái là Lại Phụng T tiến hành việc tiếp quản tài sản được thừa kế là nhà, đất nêu trên nhưng bị bà Hồ Thị Kim T cản trở, khóa cửa không cho vào nhà, đồng thời yêu cầu bà Hà Thị T phải trả số tiền 330.000.000 đồng. Bà Hà Thị T yêu cầu bà Hồ Thị Kim T cung cấp các chứng từ để làm rõ số tiền nêu trên nhưng không cung cấp được mà vẫn cố tình chiếm giữ, không

trả lại tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà. Bà Hà Thị T đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi hợp pháp của bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị D có ông Phùng Minh T trình bày: bà Hoàng Thị D là mẹ ruột của ông Lại Đức T. Sau khi ông Lại Đức T chết, trong quá trình làm thủ tục kê khai di sản thừa kế của ông Lại Đức T để lại, bà D và cha ông Lại Đức T là ông Lại Đức T1 đã làm văn bản từ chối di sản thừa kế của ông Tường và việc từ chối này là tự nguyện và hoàn toàn không nhằm trốn tránh nghĩa vụ phải thực hiện nên bà D và ông T1 không liên quan đến vụ việc này. Ngày 20/3/2017, ông Lại Đức T1 chết. Đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 340/2018/DSST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận 9 đã tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà Hồ Thị Kim T trả lại tài sản là nhà, đất tại số 109B đường H, phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (thửa đất số 626, tờ bản đồ số 6 phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh) cho bà Lại Phụng T ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc bà Hoàng Thị D, bà Hà Thị T và bà Lại Phụng T phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị Kim T số tiền 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu của bà Hồ Thị Kim T đối với số tiền 560.000.000 đồng mà bà Kim T đầu tư, tôn tạo, làm tăng thêm giá trị tài sản là nhà, đất tại số 109B đường H, phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (thửa đất số 626, tờ bản đồ số 6 phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hồ Thị Kim T phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 số tiền là: 112.661.993 đồng (Một trăm mười hai triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn chín trăm chín mươi ba đồng). Được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/00033787 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9. Bà Hồ Thị Kim T còn phải nộp thêm số tiền là 93.311.993 đồng (Chín mươi ba triệu ba trăm mười một ngàn chín trăm chín mươi ba đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/6/2018, bị đơn – bà Hồ Thị Kim T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của đơn và yêu cầu đòi bồi thường tiền công sức mà bị đơn đã quản lý tôn tạo, giữ gìn di sản.

Ngày 18/7/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số: 38/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 9 theo hướng sửa án sơ thẩm do tuyên án chưa đầy đủ và tính sai án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo và có thay đổi yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên kháng nghị.

Các bên đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là Ông Phùng Minh T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 9.

Bị đơn - bà Hồ Thị Kim T có ông Phạm Văn N trình bày:

Về tố tụng: Cấp sơ thẩm vi phạm về tố tụng khi chỉ chấp nhận đưa bà Hoàng Thị D vào tham gia tố tụng khi có yêu cầu của phía bị đơn, đồng thời việc ông Phùng Minh T đại diện uỷ quyền cho ba người là bà Hoàng Thị D, bà Lại Phụng T, bà Hà Thị T có quyền lợi mâu thuẫn đối lập nhưng cấp sơ thẩm vẫn chấp nhận là không đúng. Cấp sơ thẩm mặc dù có định giá nhà nhưng chưa tính toán được phần chênh lệch giá nhà từ năm 2011-2016 là phần công sức của bà Hồ Thị Kim T bảo quản gìn giữ nhà. Không điều tra xác minh về việc cấp giấy tờ sở hữu và đăng bộ nhà cho bị đơn đề nghị huỷ bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm không chấp nhận vi bằng do bị đơn xuất trình là chứng cứ là không đúng, đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: kháng cáo của bị đơn về phần tố tụng là không có cơ sở. Về nội dung, bị đơn không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu phản tố của mình cấp sơ thẩm không chấp nhận là phù hợp. Đề nghị không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn. Về kháng nghị một phần bản án về tuyên án cũng như về án phí là có cơ sở đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Ngày 19/6/2018, Tòa án nhân dân Quận 9 ban hành Bản án số 340/2018/DSST. Ngày 20/6/2018, bị đơn – bà Hồ Thị Kim T có đơn kháng cáo một phần bản án án sơ thẩm. Ngày 18/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định

kháng nghị số: 38/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 9.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 thì kháng cáo của bà Hồ Thị Kim T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh còn trong hạn luật định nên chấp nhận.

[2] Về tố tụng:

Căn cứ biên bản xác minh ngày 27/9/2017 thì bị đơn bà Hồ Thị Kim T có cư trú tại địa chỉ 109B đường H, phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh vào thời điểm Tòa án sơ thẩm thụ lý vụ án, đối tượng tranh chấp là bất động sản căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; tại điểm a khoản 1 Điều 39; điểm c, khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì Tòa án nhân dân Quận 9 có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Do có kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn đề nghị huỷ án do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng:

Phía bị đơn cho rằng bà Hoàng Thị D, bà Lại Phụng T, bà Hà Thị T có quyền và nghĩa vụ mâu thuẫn đối lập nhau nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại chấp nhận cho ba người này cùng uỷ quyền cho một người là ông Phùng Minh T làm đại diện. Nhận thấy căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì không có chứng cứ hoặc tài liệu nào thể hiện quyền và nghĩa vụ của ba người trên là mâu thuẫn và đối lập nhau. Quan hệ tranh chấp trong vụ án này là đòi lại tài sản, những người trên không tranh chấp với nhau về việc sở hữu cũng như về thừa kế căn nhà nên cấp sơ thẩm chấp nhận cho cả ba người trên cùng uỷ quyền cho một người tham gia tố tụng là không trái với quy định của điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 87 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 nên không có cơ sở để chấp nhận phần kháng cáo này của phía bị đơn.

Ngoài ra trong đơn kháng cáo của bị đơn cũng như yêu cầu thay đổi nội dung kháng cáo của đại diện bị đơn tại phiên Tòa phúc thẩm còn yêu cầu nguyên đơn phải bồi thường công sức quản lý, tôn tạo, giữ gìn di sản mà bà Lại Phụng T và bà Hà Thị T hưởng từ năm 2011 tới nay. Đại diện bị đơn cũng xác định yêu cầu này nằm ngoài yêu cầu số tiền 560.000.000 đồng đã rút tại phiên Tòa sơ thẩm. Nhận thấy tại đơn yêu cầu phản tố ngày 09/8/2017 và các biên bản hoà giải tại Tòa án cấp sơ thẩm phía bị đơn không có yêu cầu đòi bồi thường công sức trong việc bảo quản di sản đó là số tiền chênh lệch giá nhà từ thời điểm năm 2011 so với năm 2016, không nằm trong số tiền mà cấp sơ thẩm đã đình chỉ. Tại phiên Tòa phúc thẩm đại diện bị đơn cũng thừa nhận chưa có yêu cầu này tại cấp sơ thẩm. Do đó cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu này, đáng lẽ khi nhận đơn kháng cáo có phần nội dung không nằm trong phạm vi giải quyết của cấp sơ thẩm thì Tòa án cấp sơ thẩm phải ra thông báo cho bị đơn yêu cầu sửa đổi đơn kháng cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 274 Bộ luật Tố tụng dân sự

nhưng vẫn chấp nhận đơn kháng cáo có nội dung này là có thiếu sót. Căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự về phạm vi xét xử phúc thẩm thì Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm bị kháng cáo kháng nghị. Vì vậy không cần thiết phải thu thập chứng cứ là chênh lệch giá vào thời điểm năm 2011 và năm 2016 nên không có cơ sở để cấp phúc thẩm xem xét yêu cầu này của phía bị đơn. Việc cấp sơ thẩm có thiếu sót nhưng không nghiêm trọng không phải là căn cứ để hủy án sơ theo yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn.

[4] Về nội dung:

Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của của bị đơn – bà Hồ Thị Kim T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BO 326648 do Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Lại Đức T ngày 25/6/2013, đã cập nhật thay đổi cho người thừa kế là bà Hà Thị T và bà Lại Phụng T ngày 11/01/2017 có cơ sở xác định nhà, đất tại số 109B đường H, phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (thửa đất số 626, tờ bản đồ số 6 phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh) là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà Hà Thị T và bà Lại Phụng T. Bà Hồ Thị Kim T và người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị Kim T cũng đã xác nhận nhà, đất tại số 109B đường H, phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (thửa đất số 626, tờ bản đồ số 6 phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh) là tài sản do ông Lại Đức T tạo lập lúc còn sống và việc để lại di sản thừa kế cho bà Lại Phụng T và bà Hà Thị T là hợp pháp. Tại biên bản ngày 13/12/2017 bà Hồ Thị Kim T xác nhận chính bà là người khóa cửa và trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản là nhà, đất nêu trên. Bà Hồ Thị Kim T xác nhận, ngay sau khi ông Lại Đức T chết, bà Lại Phụng T và bà Hà Thị T có đến để thực hiện việc tiếp quản tài sản của ông Lại Đức T để lại nhưng bà không đồng ý giao trả. Bà Lại Phụng T và bà Hà Thị T cũng xác nhận không ủy quyền cho bà Hồ Thị Kim T để quản lý tài sản cũng không cho bà Hồ Thị Kim T ở nhờ trong căn nhà nêu trên. Ngay sau khi hoàn tất các thủ tục pháp lý theo quy định, bà Hà Thị T và bà Lại Phụng T thực hiện ngay các quyền về tài sản đã được thừa kế từ ông Lại Đức T nhưng bị đơn đã cố tình khóa cửa, chiếm giữ không giao trả tài sản lại cho nguyên đơn. Do đó, hành vi của bị đơn được xác định là hành vi chiếm hữu tài sản không có căn cứ pháp luật nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Hồ Thị Kim T trả lại tài sản là nhà, đất tại số 109B đường H, phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (thửa đất số 626, tờ bản đồ số 6 phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh) là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015. Tuy nhiên cấp sơ thẩm áp dụng Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005 trong khi nguyên đơn được đứng tên sở hữu căn nhà vào thời điểm 11/01/2017 là thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực là áp dụng điều luật chưa chính xác cần sửa lại điều luật áp dụng là phù hợp.

Xét căn nhà 109B đường H, phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (thửa đất số 626, tờ bản đồ số 6 phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh) là

tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà Hà Thị T và bà Lại Phụng T. Quá trình giải quyết Toà án có đưa bà Hà Thị T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan và người đại diện uỷ quyền của bà Hà Thị Thịnh cũng có yêu cầu phía bị đơn trả lại nhà cho bà. Bản án sơ thẩm tuyên buộc bị đơn trả nhà cho bà Lại Phụng T là có thiếu sót, kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với phần này là có căn cứ nên chấp nhận cần sửa phần tuyên án tuyên trả nhà cho các đồng sở hữu hợp pháp là bà Lại Phụng T và bà Hà Thị T là phù hợp.

[4.2] Về yêu cầu phản tố của bị đơn:

Tại phiên Toà phúc thẩm người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn xác định có yêu cầu phản tố đề nghị Toà án buộc bà Hoàng Thị D, bà Hà Thị T và bà Lại Phụng T cùng có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị Kim T số tiền 330.000.000 đồng mà bà Hồ Thị Kim T đã cho ông Lại Đức T vay lúc ông Lại Đức T còn sống, khi nào bà Hồ Thị Kim T nhận đủ số tiền nêu trên thì sẽ giao trả lại ngay tài sản là nhà, đất tại số 109B đường H, phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (thửa đất số 626, tờ bản đồ số 6 phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh) cho nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm cũng như phiên Toà phúc thẩm, bị đơn xác định chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu phản tố của mình là biên bản làm việc ngày 16/9/2017 giữa ông Nguyễn Chánh N và ông Nguyễn Văn T được Văn phòng thừa phát lại quận Đ lập vi bằng số 1066/2017/VB-TPLQ.TĐ ngày 18/9/2017. Xét nội dung biên bản làm việc ngày 16/9/2017 chỉ thể hiện “ ông Nguyễn Văn T có chứng kiến việc bà Hồ Thị Kim T giao cho ông Lại Đức T số tiền 330.000.000 đồng để hùn vốn xây dựng hồ nuôi trồng quế...”, không thể hiện ông Lại Đức T có vay tiền của bà Hồ Thị Kim T, biên bản này không có ông Lại Đức T ký và được lập sau ngày ông Lại Đức T mất. Phía bị đơn cũng không xuất trình được chứng cứ trực tiếp thể hiện ông Lại Đức T có vay số tiền 330.000.000 đồng của mình. Mặt khác, lời khai về giao nhận số tiền cho ông Lại Đức T trước sau có mâu thuẫn nhau lúc là hùn vốn vào Công ty do ông Lại Đức T là giám đốc, lúc là tiền cho cá nhân ông Lại Đức T vay. Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn cho rằng do không có cơ sở chứng minh số tiền bị đơn giao cho ông Lại Đức T là tiền góp vốn vào Công ty trách nhiệm hữu hạn L nên xác định đó là tiền cho ông Lại Đức T vay là chủ quan, thiếu căn cứ. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị Kim T yêu cầu buộc những người thừa kế của ông Lại Đức T là bà Hoàng Thị D, bà Hà Thị T và bà Lại Phụng T phải thực hiện nghĩa vụ của ông Lại Đức T để lại về việc trả cho bị đơn số tiền 330.000.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo này của phía bị đơn là phù hợp.

[4.3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn - bà Hồ Thị Kim T phải trả nhà cho nguyên đơn nhưng lại buộc bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch trên trị giá căn nhà theo biên bản định giá ngày 26/12/2017 trong khi các bên không có tranh chấp về giá trị căn nhà là không

đúng với quy định khoản 1 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Kháng nghị của Viện Kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh về phần này là có cơ sở nên được chấp nhận. Cần sửa phần án phí của bản án sơ thẩm theo hướng bị đơn chỉ phải chịu 300.000 đồng án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu đòi trả nhà của nguyên đơn được chấp nhận. Giữ nguyên phần án phí không được chấp nhận đối với yêu cầu đòi các đồng thừa kế trả số tiền 330.000.000 đồng là 16.500.000 đồng của bị đơn.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ không chấp nhận kháng cáo của bị đơn - bà Hồ Thị Kim T và có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa án sơ thẩm về phần tuyên án và một phần án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015
- Căn cứ Điều 87, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.
- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn - bà Hồ Thị Kim T.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 340/2018/DSST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân Quận 9.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà Hồ Thị Kim T phải có trách nhiệm trả lại tài sản là nhà, đất tại số 109B đường H, phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (thửa đất số 626, tờ bản đồ số 6 phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh) cho bà Lại Phụng T và bà Hà Thị T ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc bà Hoàng Thị D, bà Hà Thị T và bà Lại Phụng T phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị Kim T số tiền 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu của bà Hồ Thị Kim T đối với số tiền 560.000.000 đồng mà bà Hồ Thị Kim T đầu tư, tôn tạo, làm tăng thêm giá trị tài sản là nhà, đất tại

số 109B đường H, phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (thửa đất số 626, tờ bản đồ số 6 phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hồ Thị Kim T phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 số tiền là: 16.800.000 đồng (Mười sáu triệu tám trăm ngàn đồng). Được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003378 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9. Hoàn lại cho bà Hồ Thị Kim T số tiền là 2.550.000 đồng (Hai triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Bà Lại Phụng T, bà Hà Thị T, bà Hoàng Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Lại Phụng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AC/2014/0008787 ngày 09/02/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hồ Thị Kim T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0039314 ngày 05/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 9;
- Chi cục THADS Quận 9;
- Các đương sự;
- Lưu (T 20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phùng Văn Hải

